

Tư tưởng của Nho giáo về nhân

Nguyễn Thanh Bình¹, Nguyễn Minh Tuấn², Ngô Thị Mai³

^{1,2} Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Email:nguyenthanhbinhtriet@gmail.com.

³ Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, Hà Nội.

Nhận ngày 15 tháng 6 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 7 tháng 9 năm 2017.

Tóm tắt: Nhân là phạm trù cơ bản trong học thuyết đạo đức của Nho giáo. Quan niệm của Nho giáo về nhân chứa đựng nhiều nội dung, trong đó có hai nội dung cơ bản nhất. Thứ nhất, nhân bao gồm nhiều đức khác của con người (như nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, hiếu, trung, v.v.). Thứ hai, nhân là tư tưởng về đường lối cần phải sử dụng trong việc quản lý xã hội.

Từ khóa: Nhân, đạo đức, đức trị, Nho giáo.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: “Ren” (benevolence, humanity) is a basic category in the ethical doctrine of Confucianism. The perception of Confucianism on “ren” includes contents, the two most fundamental ones are as follows: First, it consists of many other virtues of man, such as benevolence, righteousness, proper rite/correct behaviours, knowledge, and faithfulness/integrity, etc.; Second, it is the thought of the orientations that needs to be applied in the management of the society.

Keywords: Ren, ethics, rule by virtue, Confucianism.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Nho giáo là một hệ thống bao gồm nhiều học thuyết (như: triết học, chính trị - xã hội, đạo đức, giáo dục, quản lý xã hội) với các khái niệm như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, hiếu, trung, quân tử, tiểu nhân, v.v.. Những khái niệm này đan xen vào nhau, phản ánh nhiều

mặt, nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và con người. Nho giáo chủ yếu là học thuyết chính trị - xã hội và đạo đức. Lĩnh vực chính trị và đạo đức là hai lĩnh vực của đời sống xã hội được phản ánh nhiều nhất trong Nho giáo, được sự quan tâm nhiều nhất của các nhà nho. Hơn nữa, con người được Nho giáo nhìn nhận chủ yếu ở phương diện đạo

đức và chính trị. Nho giáo đưa ra những chuẩn mực, đạo đức để con người học tập, tu dưỡng. Bài viết trình bày tư tưởng của Nho giáo về nhân trên hai phương diện: những đức hợp thành của nhân, vai trò của nhân trong đường lối trị nước.

2. Những đức hợp thành của nhân

Theo các nhà nho, xã hội Trung Quốc thời Xuân Thu - Chiến Quốc được coi là một xã hội vô đạo, phi nhân; một trong những nguyên nhân chủ yếu nhất đưa đến cái xã hội đó là những hành vi vô đạo, phi nhân của con người. Vô đạo, phi nhân là vô đức, không có đạo đức. Mục đích mà nhà nho đề xuất ra học thuyết chính trị - xã hội, đạo đức, giáo dục là đưa xã hội từ “loạn” (vô trật tự, không có kỷ cương, vô đạo) đến “trị” (có trật tự, có kỷ cương, hữu đạo) và cũng đưa con người, xã hội từ trạng thái không có đạo đức đến trạng thái có đạo đức.

Trong học thuyết đạo đức của Nho giáo, các nhà nho đưa ra một hệ các chuẩn mực đạo đức để mọi người học tập, tu dưỡng và thi hành như: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, hiếu, trung, v.v.. Trong đó, nhân (đức nhân) bao gồm mọi đức khác của con người. Theo đó, người có nhân hay đức nhân (tức là người có đạo đức) phải là người có trí, nghĩa, lễ, hiếu, trung, v.v.. Nói một cách khác, người không có lễ, nghĩa, trí... thì không thể có nhân được. Mạnh Tử chỉ rõ: “ăn ở bất nhân là kẻ bất trí vậy” [4, tr.864]. Trong quan hệ vua - tôi (quân - thần), Nho giáo đòi hỏi nhà vua và bề tôi đối xử với nhau phải có lòng nhân, tức phải có đạo đức (quân nhân, thần trung), “quân sử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung). Theo đó, nhà vua phải thương yêu bề tôi, còn bề tôi là người phải trung thành

tuyệt đối với nhà vua. Trong quan hệ cha - con (phụ - tử), Nho giáo đưa ra hai đức từ và hiếu. Theo đó, cha mẹ thì phải có đức “từ”, tức là luôn thương yêu, dạy dỗ con cái thành người có đạo đức; còn con cái phải luôn có đức hiếu, đức kính,...

Trong những chuẩn mực, quy phạm đạo đức này, nhân là chuẩn mực đạo đức cao nhất. Nhân là “ái nhân” tức yêu người. Khổng Tử chỉ rõ: “Nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân” [4, tr.340] (người nhân là người muốn điều gì cho mình cũng gây dựng cho người điều đó, muốn mình thông đạt ra sao cũng khiến người thông đạt như vậy) và “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” [4, tr.473, 579] (điều gì mình không muốn, chớ thi hành/đem áp dụng cho người khác). Mạnh Tử khẳng định: “Điều nhân là căn nhà yên ổn của người ta, điều nghĩa là con đường cái của người ta” [4, tr.1035].

Theo Nho giáo, chỉ người nào có đạo đức mới thật sự là ái nhân. Khổng Tử nói: “Chỉ có người nhân mới biết yêu người, biết người (một cách chính đáng)” [4, tr.267]. Tăng Sâm chỉ rõ: “Chỉ có người nhân mới biết yêu người một cách chính đáng, ghét người một cách chính đáng” [4, tr.61]. Tử Du yêu cầu: “Người trên học đạo phải biết thương người” [4, tr.615].

Khổng Tử coi nhân còn là một trong ba đức căn cốt nhất của người quân tử (nhân, trí, dũng) [4, tr.418, 547]. Với Mạnh Tử, ba đức đó là nhân, nghĩa, chính (ngay thẳng) [4, tr.1050, 1065].

Nghĩa (đức nghĩa) trong học thuyết đạo đức của Nho giáo là một trong những chuẩn mực đạo đức cơ bản của con người, là biểu hiện cụ thể của đức nhân, là yêu cầu căn cốt của một người có đạo đức. Khổng Tử nói: “Người quân tử (chỉ người có đạo đức lớn)

coi điều nghĩa là trên hết. Quân tử có dũng mà không theo đạo nghĩa thì làm loạn, tiểu nhân (không có đạo đức) có dũng mà không theo đạo nghĩa thì làm trộm cướp” [4, tr.365]. Nghĩa trong tư tưởng của nhà Nho còn để chỉ những việc nên làm, phải làm trong quan hệ với người khác, với công việc. Theo đó, vua - tôi, cha - con, chồng - vợ,... phải có nghĩa với nhau (nghĩa vua - tôi, nghĩa cha - con, nghĩa vợ - chồng). Vua phải thương yêu bề tôi, tôi phải trung thành với nhà vua; cha phải từ, con phải có hiếu, kính với cha mẹ; vợ chồng phải thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau. Theo Khổng Tử, người nào xứng đáng làm quan, học giỏi (học nhi ưu tác sĩ) mà không ra làm quan là trái với đạo nghĩa. Ông viết: “Người quân tử ra làm quan chính là thi hành nghĩa vụ của mình” [4, tr.649]. Người có đức, có trí thì phải làm việc, làm quan giúp nước, giúp dân [4, tr.622]. Nho giáo luôn yêu cầu mọi người phải luôn đặt nghĩa lên trên lợi (“Ăn cơm đạm bạc, uống nước lã, co cánh tay mà gỏi đầu, cách sống đó cũng có niềm vui nội tại. Còn như bất nghĩa mà nên giàu có với sang trọng, ta coi cũng như đám mây nổi”) [4, tr.356] và trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải nghĩ tới nghĩa (“Kẻ sĩ gặp nguy, liều thân, được lợi (phải) nghĩ tới điều nghĩa... Được vậy mới đáng là kẻ sĩ”) [4, tr.657].

Lễ (đức lễ) trong học thuyết đạo đức của Nho giáo là sự đòi hỏi nghiêm ngặt nhất về suy nghĩ và hành vi của con người. Lễ bao gồm những yêu cầu, quy định con người trong cư xử với trời, quỷ thần (tế lễ), với người đã mất (tang lễ), trong nói năng, ăn, ngủ, ngồi, đi lại, và trong giao tiếp với mọi người, v.v.. Khổng Tử gặp người mặc tang phục, tuy quen thân ngài cũng đổi sắc mặt; đang đi xe, gặp người để tang, ngài liền chào kính; bước lên xe, ngài đứng thẳng, nắm lấy

sợi dây vịn; trong xe, ngài không ngoái nhìn đằng sau, không nói liên thoảng, không chỉ trỏ [4, tr.438-439]. Khổng Tử nói: “Miếng thịt thái không vuông vắn, người quân tử không ăn”, “Chiếu trái không ngay ngắn, chẳng ngồi” [4, tr.433].

Lễ là những quy định, những yêu cầu về mặt đạo đức của con người trong từng mối quan hệ cụ thể của con người. Trung là cái lễ của bề tôi đối với nhà vua; hiếu, kính là cái lễ của con cái đối với cha mẹ, v.v.. Nếu ai không như vậy là vô lễ, phi lễ (tức là không có đạo đức). Ngoài ra, lễ còn có nghĩa là “mỗi người phải làm tròn bổn phận, trách nhiệm của mình”.

Điểm đáng lưu ý là việc Nho giáo đặc biệt đề cao công dụng của lễ, vai trò của lễ. Theo đó, lễ giúp con người chế thắng (tiết chế, ước thúc và vượt qua) những ham muốn, dục vọng, thấp hèn của con người; là một trong những biện pháp chủ yếu nhất để con người tu đức và hoàn thiện đạo đức. Nho giáo luôn yêu cầu mọi người phải tu theo lễ, hành theo lễ. Theo Nho giáo: “Chẳng biết lễ, không biết gì để lập thân” [4, tr.690], “Giữ cung kính, hợp với lễ thì tránh xa được điều sỉ nhục” [4, tr.208]; “Đạo đức, nhân nghĩa phi lễ bất thành”. Khổng Tử nói: “Công dụng của lễ, quý nhất là hoà khí. Đạo của tiên vương nhờ đó mà tốt đẹp, mọi việc lớn nhỏ đều ở đó mà ra. Nhưng cũng có điều không được: chỉ biết vụ lấy hoà khí mà không dùng lễ để tiết chế, cũng không được vậy” [4, tr.207], “người trên chuộng lễ, ắt dân chẳng ai dám không cung kính” [4, tr.500]. Nho giáo khuyên mọi người rằng, những gì trái lễ thì không nói, không làm, không nghe, không nhìn; trái lễ là trái nhân, trái với đạo đức.

Trong thi hành lễ, Nho giáo rất quan tâm đến thái độ. Theo đó, yêu cầu quan

trọng nhất trong việc thi hành lễ là thành và kính, không được thái quá hay bất cập, vì đó là cái gốc, cái thực chất của việc thực hiện lễ. Khi Lâm Phóng hỏi về gốc của lễ, Khổng Tử trả lời: “Lễ cốt ở lòng thành, nếu lại xa xỉ chẳng thà kiếm ước” [4, tr.240]. Ở chỗ khác trong sách *Luận ngữ*, Khổng Tử nói: “Cung kính mà thiếu lễ thì khó nhọc, cẩn thận mà thiếu lễ thì nhút nhát, cương dũng mà thiếu lễ thì loạn, thẳng thắn mà thiếu lễ thì nóng gắt” [4, tr.375].

Như vậy, trong học thuyết đạo đức của Nho giáo, lễ là biểu hiện của nhân, là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của nhân; người không có lễ cũng là người không có nhân, không có đạo đức.

Trí (đức trí) trong học thuyết đạo đức Nho giáo là chuẩn mực và là yêu cầu cơ bản về mặt đạo đức của người có nhân, có đạo đức. Trí là biểu hiện của nhân; người mà không có trí thì không thể “ái nhân” chính đáng, cũng không thể giúp người khác có nhân, có cái “đạo làm người” được. Khi Phan Trì hỏi về người trí, Khổng Tử trả lời: “Chuyên vào việc nghĩa để giúp dân, kính trọng quý thân, nhưng tránh xa, như vậy có thể gọi là người trí được rồi” [4, tr.334]. Mạnh Tử thì nói: “Ăn ở bất nhân, là kẻ bất trí. Bất nhân, bất trí, vô lễ, vô nghĩa, người như thế chỉ làm đầy tớ người thôi” [4, tr.864].

Trí trong học thuyết đạo đức của Nho giáo còn đề chỉ những tri thức, hiểu biết của con người về trời, mệnh trời (tri thiên mệnh), về người (tri nhân), về các quan hệ đạo đức, về xã hội và những chuẩn mực đạo đức mà mỗi người phải học tập, tu dưỡng. Trong tư tưởng của Nho giáo, người có trí phải đem cái trí, cái hiểu biết của mình về đạo đức để thi hành trong công việc hàng

ngày, trong đối nhân xử thế. Mạnh Tử nói: “Người trí biết đủ mọi việc, nhưng cần kíp là biết việc phải làm” [4, tr.1335], “Nếu đã biết chuyện phi nghĩa thì nên mau chóng dứt bỏ” [4, tr.995]. Với Khổng Tử, người có trí thì không bỏ lỡ thời cơ để ra làm việc, phải đem tài năng của mình ra giúp vua, giúp nước giúp dân [4, tr.613]; phải biết đem cái đức của mình bổ hoá trong thiên hạ (“Giữ đức mà không mở mang (đức) cho rộng lớn, tin vào đạo mà không dốc lòng, người như vậy có mặt cũng như không” [4, tr.658], biết “Cất nhắc người ngay thẳng và gạt bỏ người cong vạy thì có thể khiến kẻ cong vạy trở nên ngay thẳng”) [4, tr.493-494]; nhà vua có trí là phải biết thi hành đường lối nhân trị (đức trị, nhân chính).

Trong tư tưởng của các nhà nho, người có trí không chỉ giúp người có đạo đức, giúp người khác có trí, mà còn phải là người trung thực (“Không biết nói là không biết, ấy là biết vậy”, “Có tài năng vẫn hỏi người kém cỏi, biết nhiều vẫn hỏi người biết ít”) [4, tr.380].

Song để có trí và đem cái trí đó vào hoạt động, vào cuộc sống, theo Nho giáo thì không những phải có đạo đức, mà còn phải luôn học tập, phải tu dưỡng không biết mệt mỏi (học nhi bất yếm), phải “Lắng nghe cho nhiều và chọn điều thiện mà theo, để mắt nhìn cho nhiều và ghi nhớ lấy, sự hiểu biết sẽ đến sau” [4, tr.364], v.v..

Như vậy, theo Nho giáo, người có trí là biểu hiện của người có nhân, có đạo đức; người có trí thì mới thi hành theo nhân, theo lễ, hợp nghĩa, mới biết mình, biết người trong đối nhân xử thế, mới thực hành được cái đạo “trung dung” (không thái quá, không bất cập).

Tín (đức tín, sự tin cậy, lòng tin) là một trong những chuẩn mực đạo đức cơ bản của con người. Tín đòi hỏi mỗi người, trong quan

hệ với người khác, phải gây dựng được lòng tin, sự tin cậy của nhau.

Trong sách *Luận ngữ* và sách *Mạnh tử*, bạn bè (bằng hữu) bao gồm nhiều đối tượng có địa vị, chức phận khác nhau, chứ không phải chỉ là những người cùng tuổi tác hay nghề nghiệp. Mạnh Tử đã chỉ rõ: “Chớ cậy mình lớn tuổi, chớ cậy mình sang cả, chớ cậy thể anh em, mới có thể kết bạn. Kết bạn là dựa vào đức, không thể cậy mình hơn người, bất cứ điều gì” [4, tr.1163]. Khổng Tử nhấn mạnh, bạn bè phải có đức tín, trung tín và thành tín. Khổng Tử nói: “Giữ lòng trung tín làm chủ yếu. Không đánh bạn với người chẳng giống mình” [4, tr.415], “Giấu lòng oán hận để kết bạn với người, điều đó là đáng hổ thẹn” [4, tr.310-311]. Trong tư tưởng của Nho giáo, cha - con, chồng - vợ, trên - dưới, thầy - trò... có thể là “bằng hữu” của nhau.

Hơn thế nữa, tín (với tư cách là lòng tin, sự tin cậy) được nhiều nhà nho bàn tới chủ yếu là trong quan hệ vua - dân. Theo đó, nhà vua phải gây dựng được lòng tin, sự tin cậy của dân (dân tín), nếu không như vậy thì ngôi vua và nền chính trị của nhà vua sẽ sụp đổ (dân vô tín bất lập) [4, tr.478-479]. Để được dân tín, các nhà nho yêu cầu nhà vua, người cầm quyền phải luôn quan tâm đến ba điều: binh lực (để bảo vệ dân), lương thực (để nuôi dân) và lòng tin của dân [4, tr.478-479]; phải quý trọng ba điều: đất đai, dân chúng và việc chính trị [4, tr.1361]; phải quan tâm đến ba việc chính của dân, đó là lương thực, việc tang, việc tế [4, tr.618, 683]; đặc biệt phải dưỡng dân và giáo hoá dân, tức là phải làm cho dân có đời sống vật chất đầy đủ và có đạo đức. Để cho dân có đời sống vật chất đầy đủ và không phải chết đói, nhà vua không chỉ đảm bảo lương thực để nuôi dân, mà còn phải giúp

dân làm giàu; phải dạy dân trồng dâu, dệt vải, chăn nuôi, gieo trồng; phải cùng với dân cày cấy; phải chế định điền sản cho dân; phải khó nhọc giúp dân và giảm hình phạt, nhẹ thuế khoá cho dân; phải lo cái lo của dân, vui với niềm vui của dân [4, tr.778], v.v.. Để làm cho dân có đạo đức, không tham lam, gian tà, bất nhân, bất nghĩa, theo Mạnh Tử, nhà vua, người cầm quyền phải “tu sửa những nét hiếu để, trung tín, để ở nhà đủ thờ cha anh, ra ngoài đủ thờ bậc trưởng thượng” [4, tr.730].

Tựu chung lại, để được “dân tín”, nhà vua, người cầm quyền phải thi hành đường lối nhân đức, nhân chính với dân, phải thực sự coi dân là gốc (dân vi bản), là gốc của nước (dân vi bang bản), là quý nhất (dân vi quý).

Trung (đức trung, lòng trung, sự trung thành tuyệt đối) là một chuẩn mực đạo đức của bề tôi, đối với nhà vua là yêu cầu cao nhất và biểu hiện cụ thể nhất, lòng nhân của bề tôi đối với vua.

Quan hệ vua - tôi được nhà nho xem là quan trọng nhất trong ngũ luân, trong tam cương. Với Hán Nho, vua - tôi là giềng mối của mọi giềng mối, còn với Tống Nho, vua tôi là cái căn bản của thiên lý (lý trời). Do vậy, Nho giáo đòi hỏi bề tôi phải luôn có đạo đức, phải trung thành tuyệt đối với nhà vua; phải kính trọng, hy sinh, khó nhọc vì vua; phải phục tùng quyền uy, mệnh lệnh của vua.

Tuy nhiên, để bề tôi luôn trung với nhà vua, nhà vua phải thật sự là người có đạo đức, luôn tu dưỡng đạo đức, phải thật sự là tấm gương đạo đức. Mạnh Tử chỉ rõ: “Hễ vua có nhân thì không ai dám bất nhân, vua có nghĩa thì không ai dám bất nghĩa. Hễ vua chính trực thì nước yên định vậy” [4, tr.1050]; vua phải thật sự là “mẫu mực trong nhân luân” [4, tr.1021], phải thực hành đường lối nhân đức, nhân nghĩa với dân.

Hiếu (đức hiếu) là một trong những chuẩn mực đạo đức cơ bản của con người trong quan hệ đối với cha mẹ. Quan hệ cha-con là một trong ba mối quan hệ cơ bản của con người, là quan hệ nền tảng của con người trong gia đình. Từ chỗ coi gia đình là tế bào, là gốc của nước, của thiên hạ (gia có tề thì quốc mới trị, thiên hạ mới bình), Nho giáo đặc biệt đề cao mối quan hệ này, tức là đề cao đạo đức của cha mẹ và con cái. Để các thành viên trong mỗi quan hệ này luôn có đạo đức, Nho giáo đưa ra hai chuẩn mực đạo đức: từ và hiếu. Nho giáo đặc biệt coi trọng đức hiếu, tức là coi trọng trách nhiệm, nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ.

Trong học thuyết đạo đức của Nho giáo, người con có hiếu mới là cái gốc của người con có nhân, có đạo đức. Hữu Tử nói: “Làm người có lòng hiếu để mà lại ưa phạm tội bề trên, là chuyện hiếm có vậy; đã không ưa phạm tội bề trên mà lại ưa làm loạn, là chuyện chưa hề có... Nét hiếu và nét để có phải là gốc của việc thi hành đạo nhân không” [4, tr.197]. Trong sách *Luận ngữ* có chép lại lời của Khổng Tử trong sách *Kinh Thư*: “Duy người có hiếu với cha mẹ, mới biết cư xử với anh em, đem thi hành ra có chính sách vậy. Thế cũng là làm việc chính trị rồi. Cứ gì phải ra làm quan” [4, tr.233]. Để con cái luôn là người có đạo đức, học tập và tu dưỡng đức hiếu, Khổng Tử và Mạnh Tử đưa ra nhiều quy định để con cái tu tập và hành xử trong quan hệ với cha mẹ khi còn sống và sau khi đã qua đời. Theo đó, khi cha mẹ còn sống, con phải thành tâm nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ; phải khó nhọc vì cha mẹ mà không oán giận [4, tr.220, 278]; không đi chơi xa và nếu có đi phải báo nơi đến cho cha mẹ biết [4, tr.280];

phải chăm lo sức khỏe của mình để cha mẹ không phải lo toan [4, tr.219], phải làm cho cha mẹ được tôn trọng [4, tr.1121]; phải xem và biết được chí hướng của cha mẹ để cư xử cho hợp đạo làm con [4, tr.206]; phải thờ cha mẹ hết lòng và có khuyên can cũng phải nhẹ nhàng [4, tr.202, 278]; phải lấy lễ mà thờ kính; phải biết tuổi cha mẹ để mà mừng mà lo, v.v.. Còn khi và sau khi cha mẹ qua đời, con phải “xem cách cư xử của người, ba năm không thay đổi đường lối của cha” [4, tr.206, 280]; phải lấy lễ mà chôn cất, lấy lễ mà tế tự [4, tr.218]; phải “nhiệt tình” trong việc tang cha mẹ [4, tr.219]. Từ Hán Nho trở đi, trong tư tưởng của nhiều nhà nho, con cái phải tuyệt đối phục tùng quyền uy, mệnh lệnh của cha mẹ; khi “cha bắt con chết con phải chết, con không chết là con bất hiếu”.

Với Nho giáo, người có đức hiếu là phải thật sự *thành* và *kính* trong việc thi hành trách nhiệm, nghĩa vụ; nếu không như vậy người con chỉ là kẻ bất hiếu, phi đạo, phi nhân. Và trong nhiều cái tội bất hiếu của con cái thì tội nặng nhất là tội không có con nối dõi tông đường (vô hậu vi đại). Mạnh Tử nói: “Tội bất hiếu có ba điều, mà không con nối dõi là nặng nhất” [4, tr.1054].

Ngoài ra, trong tư tưởng Nho giáo, vua còn là cha mẹ của dân; do vậy, đức trung cũng là đức hiếu, tận trung cũng là tận hiếu. Ở phương diện này, để nhà vua luôn là tấm gương trong việc thi hành đạo hiếu, từ đó mà bề tôi luôn có đạo hiếu, đạo trung. Khổng Tử chỉ rõ: “(Nhà cầm quyền) thận trọng đối với tang lễ cha mẹ, tế tự tổ tiên đời xưa, thì đức của dân chúng trở nên thuần hậu vậy” [4, tr.204].

Cuối cùng, để có được những đức trên, Nho giáo yêu cầu mọi người phải luôn tu

thân. (“Từ thiên tử cho tới thứ dân, ai ai cũng phải lấy tu thân làm gốc”); phải học tập đạo đức và đem cái học ấy áp dụng vào hoạt động thực tiễn.

3. Vai trò của nhân trong đường lối trị nước

Xuất phát từ thực trạng hết sức rối loạn của xã hội Trung Quốc thời Xuân Thu - Chiến Quốc, các nhà nho đã đề xuất ra đường lối cai trị, quản lý xã hội nhằm kiến tạo một xã hội có đạo đức, có trật tự, kỷ cương và thịnh trị. Đường lối đó được gọi với những cái tên như đức trị, vương đạo, nhân trị, nhân chính, nhân nghĩa, tức là đường lối trị nước, dựa trên những chuẩn mực đạo đức. Trong học thuyết đạo đức của Nho giáo, đường lối đó được thực hiện bằng những biện pháp đạo đức hay mang nội dung đạo đức và được củng cố bằng những tấm gương đạo đức. Qua kinh, sách của Nho gia và tư tưởng của nhiều nhà nho, có thể khái quát một số nội dung chủ yếu trong tư tưởng của Nho giáo về đường lối đức trị như sau:

Thứ nhất, đề cao vai trò của đường lối đức trị. Nếu phái đạo gia chủ trương đường lối vô vi (vô vi nhi trị), phái pháp gia đề cao đường lối pháp trị (hình luật, pháp luật, sức mạnh) thì phái Nho gia lại đặc biệt đề cao đường lối đức trị. Các nhà nho từ Khổng Tử trở đi đều coi đạo đức, các chuẩn mực đạo đức là công cụ, phương tiện chủ yếu nhất, hữu hiệu nhất để đạt được những mục đích chính trị trong việc cai trị, quản lý xã hội.

Khổng Tử đã khẳng định: “Lấy đức để làm việc chính trị cũng như ngôi sao Bắc đẩu, ở yên vị mà các ngôi sao khác đều châu về” [4, tr.214]. Trong sách *Luận ngữ*, Khổng Tử luôn khẳng định rằng, đạo đức là

biện pháp cơ bản, đức trị là đường lối hiệu quả nhất để thu phục nhân tâm trong nước, để “bình thiên hạ”. Ông nói: “Dùng chính lệnh để dẫn dắt dân, dùng hình pháp để giữ trật tự, dân tránh khỏi tội nhưng chưa biết hổ thẹn. Dùng đức để dẫn dắt, dùng lễ để giữ trật tự, dân biết hổ thẹn mà tiến tới chỗ tốt lành” [4, tr.215]. Mạnh Tử cho rằng, nhà vua, kẻ cai trị cầm quyền nếu thi hành đạo nhân, thực hành đường lối nhân chính sẽ duy trì được bốn biển, bảo tồn nền xã tắc, ngôi vị của con cháu mình được duy trì. Ngược lại, nếu thi hành đường lối bất nhân, tàn bạo với dân thì nhà vua sẽ nguy hiểm đến tính mạng, nước nhà sẽ bị diệt vong [5, tr.11,13]. Khổng Tử và Mạnh Tử nhiều lần coi việc nhà vua dùng đạo đức để trị dân, giáo hoá dân là vô địch. Mạnh Tử nói: “Nếu nhà vua thi hành nhân chính, dân sẽ thương yêu người trên, và liệu mình vì bậc quan trường vậy” [4, tr.808], “Đối với người nhân, dầu kẻ nghịch có đông cũng chẳng làm gì được mình. Nay, nếu một vị quốc quân thích làm nhân chính, trong thiên hạ chẳng ai địch nổi mình” [5, tr.17].

Ngoài ra, Nho giáo luôn cho rằng, đạo đức và thi hành đạo đức còn là biện pháp tốt nhất để loại trừ tình trạng phi nhân, phi đạo đức trong xã hội; là biện pháp hiệu quả nhất để duy trì trật tự, kỷ cương và sự ổn định từ trong gia đình đến ngoài xã hội. Theo Nho giáo, đạo đức và thi hành đường lối đức trị sẽ góp phần vào việc hình thành, hoàn thiện đạo đức con người, đạo đức xã hội.

Trong tư tưởng của nhà nho, mẫu người lý tưởng cần xây dựng là người quân tử (đôi khi còn được gọi là thánh nhân), tức là con người toàn thiện, toàn đức; xã hội cần được kiến tạo là xã hội có đạo đức, có giáo dục,

có trật tự, kỷ cương và có đời sống vật chất tương đối đầy đủ.

Để kiến tạo mẫu người và xã hội như vậy, theo Nho giáo, mọi người từ thiên tử trở xuống phải học, phải luôn tu dưỡng (tu thân). Nội dung học và tu thân là nhân, nghĩa, lễ, tín, hiếu, trung, v.v.. Nhà vua, người cai trị cầm quyền phải thi hành đường lối đức trị. Trong học thuyết đạo đức của Nho giáo, các chuẩn mực đạo đức trên đây vừa là mục đích của học, của đường lối đức trị, vừa là những biện pháp chủ yếu để tạo lập con người và xã hội có đạo đức. Cũng vì vậy mà Nho giáo đặc biệt đề cao việc học tập, tu dưỡng đạo đức và các chính sách, mang nội dung đạo đức. Khổng Tử nói: “Người quân tử lấy đạo nghĩa làm căn bản, dùng lễ để thi hành, biểu lộ bằng đức khiêm tốn, hoàn thành nhờ chữ tín” [4, tr.576], “Dẹp bỏ tư dục, trở về với lễ, là phát huy điều nhân. Một ngày dẹp bỏ tư dục, trở về với lễ, cả thiên hạ (chịu cảm hóa) quay về với điều nhân vậy. Điều nhân ở nơi mình, há ở người khác hay sao” [4, tr.471]. Mạnh Tử thì nói: “Bản thân không làm theo đạo lý, chẳng giáo hoá nổi vợ con. Sai khiến người không đúng đạo lý, bảo vợ con cũng chẳng nổi” [4, tr.1344], “Chẳng tin dùng người hiền tài và nhân hậu, ắt đất nước trống rỗng; thiếu lễ nghĩa ắt trên dưới lung tung; không sắp đặt chính sự, ắt của cải chẳng đủ dùng” [4, tr.1345].

Thứ hai, đề cao đạo đức của vua và người cầm quyền trong việc thực thi đường lối đức trị. Nhằm thực hiện có hiệu quả đường lối đức trị và tạo ra những con người có nhân, kiến tạo xã hội có đạo đức, có trật tự, kỷ cương và ổn định, theo nhà nho, nhà vua, người cầm quyền phải có đạo đức, có được lòng dân và sự tin cậy của dân.

Nho giáo đặc biệt đề cao địa vị, uy quyền và vai trò đạo đức của nhà vua, người cầm quyền. Nho giáo luôn đòi hỏi nhà vua phải luôn có đạo đức, luôn tu dưỡng đạo đức ở mọi lúc, mọi nơi, trong mọi mối quan hệ và luôn là tấm gương đạo đức, không chỉ để kiến lập và duy trì sự tồn tại vĩnh viễn “vương nghiệp” và nền chính trị “ngay thẳng, có đạo đức” của mình, mà còn để đào tạo ra những con người có đạo đức, kiến tạo, duy trì xã hội có đạo đức. Khổng Tử nói: “Nếu có thể sửa mình ngay thẳng thì cai trị dân có gì là khó đâu? không thể sửa mình ngay thẳng, lại có thể sửa người ngay thẳng được sao?” [4, tr.507], “Ham muốn điều thiện ắt dân cũng trở nên lương thiện thôi. Đức của người quân tử (nên hiểu là người cầm quyền) như gió, đức của kẻ tiểu nhân (nên hiểu là dân chúng) như cỏ, gió thổi qua thì cỏ rạp xuống” [4, tr.502], “Nếu ngài không tham lam (dân sẽ không trộm cắp), dẫu các tiền chẳng ai dám ăn cắp” [4, tr.488].

Theo Nho giáo, nhà vua phải là người có đạo đức; đó là điều kiện tiên quyết, có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của đường lối nhân chính.

Từ chỗ cho rằng, không có dân thì không có nước, không có nước thì không có vua, nhà nho luôn khuyên và yêu cầu nhà vua, người cai trị cầm quyền phải thực sự coi dân là gốc, là quý. Và chỉ có như vậy, nhà vua mới được dân, được nước, được thiên hạ. Đó là cái “lợi” lớn nhất của nhà vua.

Nhưng để đạt được mục đích trên đây, theo nhà nho, đường lối nhân chính và mọi biện pháp, chính sách để thi hành đường lối đó phải xuất phát từ lòng dân, phải hợp ý dân. Cụ thể, nhà vua, người cầm quyền phải coi dân là trời; phải nghe theo ý muốn của dân; phải tôn trọng dân; trong quan hệ với

dân phải luôn cung, khoan, tín, mẫn, huệ; phải thật sự là tấm gương đạo đức cho dân noi theo; phải giảm hình phạt cho dân; phải lo trước thiên hạ mà vui sau thiên hạ; phải khó nhọc giúp dân, v.v..

Trong thực thi đường lối nhân chính với dân, nhà vua, người cầm quyền phải dưỡng dân và giáo hoá dân. Nhà vua, người cầm quyền phải chăm lo đời sống vật chất cho dân và bảo vệ tính mạng, tài sản của dân; không để cho dân chết đói trong bất kỳ hoàn cảnh nào; phải thi hành chính sách “hàng sản” (tạo sản nghiệp bền vững cho dân); phải giúp dân làm giàu; phải dạy dân gieo trồng, dệt vải, chăn nuôi; phải quy định điền sản cho dân; phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho dân cày cấy và hạn chế sự đóng góp của dân; không được xâm phạm thời gian, thời vụ của người dân [4, tr.722]; phải cùng dân cày cấy.

Tóm lại, có thi hành đường lối đức trị (nhân chính) với dân, theo Nho giáo, thì nhà vua, người cầm quyền mới thực sự là người nhân, mới là người duy nhất được “thay Trời hành đạo, thay Trời trị dân”, mới thật sự là “cha mẹ của dân”, và vì vậy cũng mới là vô địch.

4. Kết luận

Trong học thuyết đạo đức của Nho giáo, nhân là phạm trù cơ bản nhất, có tính bao trùm. Trong phạm trù này, Nho giáo đưa ra các hệ thống chuẩn mực đạo đức (cũng đồng thời là các quy phạm đạo đức) để mỗi người học tập, tu dưỡng và điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mình trong mối quan hệ với người khác, với cộng đồng và với xã hội. Những chuẩn mực đạo đức này đan xen

vào nhau, nhân là nội dung chủ yếu của tư tưởng về đường lối quản lý xã hội.

Các nhà nho đề xuất ra học thuyết đạo đức về nhân không chỉ nhằm đáp ứng những yêu cầu, mục đích chính trị của người cầm quyền, mà còn nhằm xây dựng những con người có đạo đức và một xã hội có đạo đức, có trật tự, kỷ cương, thái bình và thịnh trị. Do vậy, mặc dù còn có những yếu tố hạn chế nhất định, nhưng cũng không thể phủ nhận những mặt tích cực, những giá trị nổi bật của học thuyết đạo đức Nho giáo về nhân. Mặt tích cực và những giá trị nổi bật này là những gợi mở, những bài học và kinh nghiệm quý báu, thiết thực mà chúng ta cần phải tiếp thu, phát triển và vận dụng vào quá trình xây dựng, hoàn thiện đạo đức con người ở nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thanh Bình (2007), *Học thuyết chính trị, xã hội của Nho giáo và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam (từ thế kỷ XI đến nửa đầu thế kỷ XIX)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Minh Tuấn (2016), “Nội dung cơ bản của phạm trù Tín trong Nho giáo tiên Tần”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 9 (106).
- [3] Nguyễn Quang Hưng, Lương Gia Tĩnh, Nguyễn Thanh Bình (Đồng chủ biên) (2012), *Triết học phương Đông và phương Tây - vấn đề và cách tiếp cận*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Chu Hy (1998), *Tứ thư tập chú*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [5] *Mạnh tử*, Nxb Trí Đức - Tòng Thư, Sài Gòn, (1950).